TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2020
V/v " *Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Nguyễn Thị Bé**
- Ông **Trần Đức Phát**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Hoàng Thị Thanh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*: bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 73/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc " *Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Bà **Phạm C**. Sinh năm: 1990
Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.
**** Bị đơn***: Ông **Võ Đăng Khoa**. Sinh năm: 1983
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa.
**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: **Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam**

Trụ sở: Số 169 Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết Thắng**; Chức vụ: Tổng Giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông **Bạch Tr**; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Phạm C trình bày thì:***

Bà và ông K có quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian khoảng một năm thì quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/5/2008. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống và làm ăn tại tại thôn T, xã P, huyện Đ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2009. Nguyên nhân là do ông K có tính gia trưởng, thường xuyên xúc phạm bà, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn và kéo dài đến nay. Hiện tại, bà và ông K đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà có yêu cầu ly hôn với ông Võ K.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông K có hai người con chung: Cháu Võ Ng, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Võ Ph sinh ngày 04/7/2014. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông Khoa phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Ông bà có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 21.000.000 đồng. Nếu ly hôn, bà yêu cầu ông Khoa có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Ngoài ra, ông bà không còn khoản nợ nào khác.

Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Võ Đăng Khoa thì:***

Về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà C có quan hệ hôn nhân như bà C trình bày là đúng và cuộc sống chung của hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Tuy nhiên, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cả hai bên. Hiện tại ông đang đi làm ở Bình Thuận nên không thường xuyên ở nhà. Hơn nữa, ông vẫn còn thương yêu vợ con, ông mong muốn bà C suy nghĩ lại để hai vợ chồng quay về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái và xây dựng gia đình. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

Về con chung: ông và bà C có 02 người con chung cháu Võ Ng, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Võ Ph sinh ngày 04/7/2014. Nếu ly hôn ông muốn theo nguyện vọng của các con và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Ông bà có nợ ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 21.000.000 đồng. Nếu ly hôn, ông

nhận trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng, ngoài ra ông bà không còn khoản nợ nào khác.

* ***Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng chính sách xã hội huyện Việt Nam – phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đam Rông***: Vào ngày 17/01/2018 bà Phạm C và ông Võ k có vay Ngân hàng chính sách xã hội chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn với số tiền 21.000.000 đồng. Tổng nợ vay đến thời điểm hiện tại là 21.000.000 đồng. Nếu bà C và ông K ly hôn thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà C, ông K phải trả toàn bộ nợ gốc là 21.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà C và ông K có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng bà C và ông K không còn khả năng hàn gắn lại được, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn. Về con chung giao cho bà Phạm C có trách nhiệm nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không có. Về nợ chung, ông K có trách nhiệm trả số tiền 21.000.000 đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đam Rông.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Bị đơn ông Võ K được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án***:

Bà Phạm C và ông Võ K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ vào ngày 13/5/2008. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với K. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3] ***Về quan hệ hôn nhân***: Bà Phạm C và ông Võ K đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, nên xác định hôn nhân của bà Phạm C và ông Võ K là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà C, ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông K có tính gia trưởng và xúc phạm bà C dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút đến mức nghiêm trọng, nay bà C thấy rằng bà và ông K không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K. Còn ông K thì cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn một phần cũng do bà C. Tuy nhiên, ông vẫn còn thương yêu vợ con, mong muốn bà C suy nghĩ lại cho hai vợ chồng một cơ hội để quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng ông K không có hành động gì để cứu vãn quan hệ hôn nhân của mình mà về Ninh Thuận sinh sống, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà C như lời ông trình bày và không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông K mà chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C là phù hợp.

[4] ***Về con chung***: Xét thấy bà C đang sinh sống ổn định tại địa phương xã K, có thu nhập và các con chung đang ở với bà C, sinh hoạt và học tập ổn định, phát triển tốt, bà C muốn nhận nuôi con chung, tại phiên tòa bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con và theo nguyện vọng của con chung là ở với mẹ nên Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Võ Ng, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Võ Ph sinh ngày 04/7/2014 cho bà Phạm C có tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] ***Về tài sản chung***: Không có.

[6] ***Về nợ chung***: Ông Võ K, bà Phạm C có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 21.000.000 đồng. Ngân hàng có yêu cầu Tòa án buộc bà C, ông K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 21.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký. Ly hôn, ông K nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này do đó cần buộc ông K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 21.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà Phạm C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Võ K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần trách nhiệm thanh toán nợ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phạm C và bị đơn ông Võ K được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Võ Ng, sinh ngày 06/4/2009 và cháu Võ Ph sinh ngày 04/7/2014, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Ông Võ K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 21.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Phạm C phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào toàn bộ số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003853 ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà C đã nộp đủ. Ông Võ K phải nộp 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận *:*
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Phượng